

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Dung.

Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuý Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm 1994.

Nơi thường trú: Xóm T, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Thanh P, sinh năm 1996.

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh: Số B N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hiện đang ở Y 105, 1-20-23 T, H, thành phố O, Nhật Bản. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Thanh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam vào ngày 05/9/2022.

Sau khi kết hôn, anh P đi lao động ở Nhật Bản, chị sinh sống ở nhà mẹ đẻ tại xóm T, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, anh chị chưa chung sống với nhau ngày

nào. Do anh chị sống xa nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chi tiêu trong gia đình, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù anh chị cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai bên gia đình nhiều lần can thiệp nhưng vẫn không có tiếng nói chung. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh P, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

** Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, bị đơn anh Ngô Thanh P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam vào ngày 05/9/2022.

Sau khi kết hôn, anh đi lao động ở Nhật Bản, còn chị N sinh sống ở nhà mẹ đẻ tại Xóm T, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, anh chị chưa chung sống với nhau ngày nào. Do anh chị sống xa nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chi tiêu trong gia đình, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng anh chị cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai bên gia đình nhiều lần can thiệp nhưng vẫn không có tiếng nói chung. Nay chị N xin ly hôn, anh P nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Do anh P đang làm việc tại Nhật Bản, không có mặt ở Việt Nam nên anh xin được vắng mặt tại phiên tòa. Anh ủy quyền cho bà Trịnh Thanh H, địa chỉ: D T, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương nhận thay anh các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án ly hôn của anh và chị N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị N, cho chị N được ly hôn anh Ngô Thanh P. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Trương Thị N là nguyên đơn đang cư trú tại xóm T, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh Ngô Thanh P trước khi đi Nhật Bản có hộ khẩu

thường trú tại Số B N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam. Anh P và chị N đều có đơn đề nghị lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên là Tòa án giải quyết. Bản tự khai và các tài liệu anh P nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đều có xác nhận của T1 tại O, Nhật Bản chứng nhận hợp pháp hoá lãnh sự. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản của anh Ngô Thanh P nộp gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là đúng ý chí, nguyện vọng của anh P.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Việt Nam. Vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

[2.]. Quá trình giải quyết cả anh Ngô Thanh P và chị Trương Thị N đều có đơn nghị được giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh P và chị N.

Về nội dung

[3.]. Hôn nhân giữa chị Trương Thị N và anh Ngô Thanh P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh P và chị N chưa chung sống với nhau ngày nào, anh P đi lao động ở Nhật Bản, chị N sinh sống ở nhà mẹ đẻ Việt Nam. Do vợ chồng sống xa nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chi tiêu trong gia đình, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau. Chị N xin ly hôn, anh P nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh P là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh P không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị N đối với anh Ngô Thanh P.

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Trương Thị N được ly hôn anh Ngô Thanh P.

2. *Về con chung*: Không giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Án phí*: Chị Trương Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000237 ngày 30/12/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Trương Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Ngô Thanh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Toàn